



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CÚ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5830/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 21 tháng 10 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về công nhận kết quả xét tuyển viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp  
giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi  
năm học 2020 - 2021**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CÚ CHI**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và  
Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của  
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên  
chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp  
đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự  
nghiệp công lập;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Bộ  
Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức,  
nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và  
thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà  
nước, đơn vị sự nghiệp công lập;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ huyện tại Tờ trình số 1313/TTr-PNV  
ngày 21 tháng 10 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả xét tuyển viên chức công tác tại các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập thuộc Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi năm học 2020 - 2021 đối với 245 thí sinh theo danh sách đính kèm.

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật có thí sinh trúng tuyển: Thực hiện thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ; thực hiện ký kết hợp đồng làm việc, chế độ tập sự (nếu có) và đề nghị bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp đối với các thí sinh trúng tuyển theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Nội vụ huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, Hiệu

trưởng các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT. UBND huyện (CT, PCT VX);
- Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện (Đăng tải trên trang thông tin điện tử);
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu VT. PNV.2. TTMTien.3.

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Hoài Phú**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG BỐ KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC  
CÔNG TÁC TẠI CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC CÔNG LẬP THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI NĂM HỌC 2020 - 2021  
(Đính kèm Quyết định số 5830/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện)

| ST         | Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |  |  |  | Ngoại ngữ | Tin học | Chức chỉ khác | Ngoại ngữ khác | CC, BDNVSP (nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                   |            |                     |  | Điểm tương đương (nếu có) | Điểm bình kết | Điểm kết quả cuối cùng | Kết quả tuyển dụng |  |
|------------|-----------|---------------------|----|---------------------|--|--|--|-----------|---------|---------------|----------------|---------------------|----------------------------------|-------------------|------------|---------------------|--|---------------------------|---------------|------------------------|--------------------|--|
|            |           |                     |    | Van bằng, chứng chỉ |  |  |  |           |         |               |                |                     | Chuyên ngành                     | Tốt nghiệp trường | Hệ đào tạo | Xếp loại tốt nghiệp |  |                           |               |                        |                    |  |
|            |           |                     |    |                     |  |  |  |           |         |               |                |                     |                                  |                   |            |                     |  |                           |               |                        |                    |  |
| I. MẦM NON |           |                     |    |                     |  |  |  |           |         |               |                |                     |                                  |                   |            |                     |  |                           |               |                        |                    |  |

|   |                        |            |   |          |                  |                                  |           |      |  |  |  |                               |                           |            |   |       |              |       |              |       |              |   |                   |            |   |           |                                           |                                    |           |                  |               |   |                              |  |  |  |                   |                        |                   |        |   |       |              |       |              |   |               |            |   |          |                    |                              |           |     |               |   |  |  |  |  |                   |                        |                   |        |   |      |             |      |             |   |                |            |   |         |                  |                            |           |     |                   |                        |  |  |  |  |                           |                        |            |   |       |              |       |              |   |                 |            |   |          |                  |                                |           |                |                |                      |  |  |  |  |                           |                        |            |   |      |             |      |             |   |               |            |   |         |                  |                               |                 |                |               |                      |  |  |  |  |                           |                        |            |   |      |             |      |             |
|---|------------------------|------------|---|----------|------------------|----------------------------------|-----------|------|--|--|--|-------------------------------|---------------------------|------------|---|-------|--------------|-------|--------------|-------|--------------|---|-------------------|------------|---|-----------|-------------------------------------------|------------------------------------|-----------|------------------|---------------|---|------------------------------|--|--|--|-------------------|------------------------|-------------------|--------|---|-------|--------------|-------|--------------|---|---------------|------------|---|----------|--------------------|------------------------------|-----------|-----|---------------|---|--|--|--|--|-------------------|------------------------|-------------------|--------|---|------|-------------|------|-------------|---|----------------|------------|---|---------|------------------|----------------------------|-----------|-----|-------------------|------------------------|--|--|--|--|---------------------------|------------------------|------------|---|-------|--------------|-------|--------------|---|-----------------|------------|---|----------|------------------|--------------------------------|-----------|----------------|----------------|----------------------|--|--|--|--|---------------------------|------------------------|------------|---|------|-------------|------|-------------|---|---------------|------------|---|---------|------------------|-------------------------------|-----------------|----------------|---------------|----------------------|--|--|--|--|---------------------------|------------------------|------------|---|------|-------------|------|-------------|
| 1 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 12/07/1998 | x | Cao đẳng | Giáo dục Mầm non | Trường Cao đẳng Đại Việt Sài Gòn | Chính quy | Giỏi |  |  |  | Giáo viên mầm non An Nhơn Tây | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06 | 0 | 83,00 | Trường tuyển | 83,00 | Trường tuyển | 86,60 | Trường tuyển | 3 | Võ Thị Thuý Dương | 04/11/1992 | x | Trung cấp | Tài chính - ngân hàng - nghiệp vụ TP. HCM | Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM | Chính quy | Trung bình - khá | Tiếng Anh - A | A | CC, sơ cấp văn thư - lưu trữ |  |  |  | Nhân viên văn thư | Trường Mầm non Bình Mỹ | Văn thư trung cấp | 02.008 | 0 | 92,60 | Trường tuyển | 92,60 | Trường tuyển | 4 | Phan Thị Hiền | 06/12/1989 | x | Cao đẳng | Hành chính văn thư | Trường Đại học Nội vụ Hà Nội | Chính quy | Khá | Tiếng Anh - B | A |  |  |  |  | Nhân viên văn thư | Trường Mầm non Bình Mỹ | Văn thư trung cấp | 02.008 | 0 | Văng | Không tuyển | Văng | Không tuyển | 5 | Lê Thị Mai Thy | 02/07/1998 | x | Đại học | Giáo dục Mầm non | Trường Đại học Thủ Dầu Một | Chính quy | Khá | Tiếng Anh - Bậc 3 | Ứng dụng CNTT năng cao |  |  |  |  | Giáo viên mầm non Bình Mỹ | Trường Mầm non hàng IV | V.07.02.06 | 0 | 86,80 | Trường tuyển | 86,80 | Trường tuyển | 6 | Nguyễn Thu Hằng | 05/01/1981 | x | Cao đẳng | Giáo dục Mầm non | Trường Cao đẳng sư phạm Đà Lạt | Chính quy | Trung bình khá | Tiếng Anh - A2 | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  |  | Giáo viên mầm non Bình Mỹ | Trường Mầm non hàng IV | V.07.02.06 | 0 | Văng | Không tuyển | Văng | Không tuyển | 7 | Phạm Thị Xuân | 07/12/1994 | x | Đại học | Giáo dục Mầm non | Trường Đại học sư phạm TP.HCM | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  |  | Giáo viên mầm non Bình Mỹ | Trường Mầm non hàng IV | V.07.02.06 | 0 | Văng | Không tuyển | Văng | Không tuyển |
|---|------------------------|------------|---|----------|------------------|----------------------------------|-----------|------|--|--|--|-------------------------------|---------------------------|------------|---|-------|--------------|-------|--------------|-------|--------------|---|-------------------|------------|---|-----------|-------------------------------------------|------------------------------------|-----------|------------------|---------------|---|------------------------------|--|--|--|-------------------|------------------------|-------------------|--------|---|-------|--------------|-------|--------------|---|---------------|------------|---|----------|--------------------|------------------------------|-----------|-----|---------------|---|--|--|--|--|-------------------|------------------------|-------------------|--------|---|------|-------------|------|-------------|---|----------------|------------|---|---------|------------------|----------------------------|-----------|-----|-------------------|------------------------|--|--|--|--|---------------------------|------------------------|------------|---|-------|--------------|-------|--------------|---|-----------------|------------|---|----------|------------------|--------------------------------|-----------|----------------|----------------|----------------------|--|--|--|--|---------------------------|------------------------|------------|---|------|-------------|------|-------------|---|---------------|------------|---|---------|------------------|-------------------------------|-----------------|----------------|---------------|----------------------|--|--|--|--|---------------------------|------------------------|------------|---|------|-------------|------|-------------|



| ST<br>T | Họ và tên              | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                          |                                                   |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học          | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                     |                              |            | Đôi<br>trượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|------------------------|------------------------|----|---------------------|--------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                        |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                          |                                                   |                        |                   |                  |                              |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                              | Tên chức danh<br>nghề nghiệp | Mã số      |                                      |                                              |                                 |                          |
|         |                        |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường     | Hệ đào<br>tạo                                     | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                  |                              |                   |                        |                                  |                                     |                              |            |                                      |                                              |                                 |                          |
| 8       | Lê Thị Thùy Linh       | 18/12/1978             | x  | Trung<br>cấp        | Văn thư -<br>lưu trữ     | Trường Trung<br>cấp quốc tế<br>Sài Gòn            | Chính quy              | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | A                            |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường MN<br>Nguyễn Thị<br>Dậu      | Văn thư trung cấp            | 02.008     | 0                                    | 82,00                                        | 82,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 9       | Vũ Thị Thanh<br>Thanh  | 18/7/1996              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>Mầm non      | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | B                            |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Nhuận<br>Đức      | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                    | 83,20                                        | 83,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 10      | Lê Thị Phương          | 15/10/1982             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>Mầm non      | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TP. HCM              | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | B                            |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Phạm<br>Văn Cội 2 | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                    | 85,20                                        | 85,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 11      | Trần Ánh Nguyệt        | 20/01/1993             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>Mầm non      | Trường Đại<br>học Sài Gòn                         | Chính quy              | Giỏi              | Tiếng<br>Anh - B | B                            |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Phước<br>Hiệp     | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                    | 94,40                                        | 94,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 12      | Lâm Thị Huyền<br>Trang | 17/05/1987             | x  | Cao<br>đẳng         | Giáo dục<br>Mầm non      | Trường Cao<br>đẳng sư phạm<br>trung ương<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Phước<br>Hiệp     | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                    | 87,00                                        | 87,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 13      | Nguyễn Ngọc<br>Hằng    | 09/02/1992             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>Mầm non      | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Phước<br>Hiệp     | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                    | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 14      | Trần Thị Thúy<br>Quyên | 30/8/1994              | x  | Trung<br>cấp        | Văn thư -<br>lưu trữ     | Trường Trung<br>cấp công nghệ<br>bách khoa        | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Mầm<br>non Phước<br>Thạnh    | Văn thư trung cấp            | 02.008     | 0                                    | 91,80                                        | 91,80                           | Trúng<br>tuyển           |
| 15      | Phạm Thị Ngọc Hà       | 24/09/1993             | x  | Trung<br>cấp        | Hành<br>chính văn<br>thư | Học viện Cán<br>bộ TP.HCM                         | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | B                            |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Mầm<br>non Phước<br>Thạnh    | Văn thư trung cấp            | 02.008     | 0                                    | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |





| ST<br>T | Họ và tên                | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn           |                            |                                                   |                        |                   | Ngoại<br>ngữ            | Tin học                    | Chứng chỉ<br>khác                                                       | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                        |                              |            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|--------------------------|------------------------|----|----------------------|----------------------------|---------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                          |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ  |                            |                                                   |                        |                   |                         |                            |                                                                         |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                                 | Tên chức danh<br>nghề nghiệp | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                          |                        |    | Chuyên ngành         | Tốt nghiệp<br>trường       | Hệ đào<br>tạo                                     | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                         |                            |                                                                         |                   |                        |                                  |                                        |                              |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 24      | Ngô Thị Mỹ Ngọc          | 26/12/1995             | x  | Cao<br>đẳng          | Giáo dục<br>Mầm non        | Trường Cao<br>đẳng sư phạm<br>trung ương<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                         |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Tân Phú<br>Trung 2   | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                   | 85,60                                        | 85,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 25      | Mai Nguyễn Trúc<br>Giang | 06/09/1985             | x  | Trung<br>cấp         | Văn thư -<br>lưu trữ       | Trường Trung<br>cấp quốc tế<br>Sài Gòn            | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Trung cấp                  |                                                                         |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Mầm<br>non Tân<br>Thông Hội 1   | Văn thư trung cấp            | 02.008     | 0                                   | 92,60                                        | 92,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 26      | Đinh Kiều My             | 15/08/1993             | x  | Đại học              | Giáo dục<br>Mầm non        | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                         |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Tân<br>Thông Hội 1   | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                   | 84,00                                        | 84,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 27      | Đặng Thị Kim<br>Thoa     | 19/04/1994             | x  | Đại học              | Giáo dục<br>Mầm non        | Trường Đại<br>học Sài Gòn                         | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                         |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Tân<br>Thông Hội 1   | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 28      | Huỳnh Thị Hiếu           | 29/7/1989              | x  | Trung<br>cấp<br>nghề | Kế toán<br>doanh<br>nghiệp | Trường Trung<br>cấp nghề<br>KTNV Tôn<br>Đức Thắng | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | A                          | Chứng chỉ<br>Quản trị<br>văn phòng<br>và công tác<br>văn thư lưu<br>trữ |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Mầm<br>non Tân<br>Thông Hội 3   | Văn thư trung cấp            | 02.008     | 0                                   | 95,40                                        | 95,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 29      | Nguyễn Thị Diệu          | 06/01/1993             | x  | Cao<br>đẳng          | Giáo dục<br>Mầm non        | Trường Đại<br>học Sài Gòn                         | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | A                          |                                                                         |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Thị trấn<br>Củ Chi 2 | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 5                                   | 84,20                                        | 89,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 30      | Huỳnh Huế Thanh          | 27/01/1995             | x  | Cao<br>đẳng          | Giáo dục<br>Mầm non        | Trường Cao<br>đẳng sư phạm<br>trung ương<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |                                                                         |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Thị trấn<br>Củ Chi 2 | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                   | 88,00                                        | 88,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 31      | Huỳnh Nguyễn<br>Ngọc Anh | 08/06/1997             | x  | Đại học              | Giáo dục<br>Mầm non        | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TP. HCM              | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 3 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                         |                   |                        | Giáo viên<br>mẫu giáo            | Trường Mầm<br>non Thị trấn<br>Củ Chi 2 | Giáo viên mầm<br>non hạng IV | V.07.02.06 | 0                                   | 85,20                                        | 85,20                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Ng | Chuyên môn   |                                  |                                 | Xếp loại tốt nghiệp | Ng             | Tin học       | Chứng chỉ khác       | Ngoại ngữ khác                           | CC, BDNVSP (nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                  |                           | Đội tuyển (nếu có) | Điểm trung bình kết quả thi | Điểm kết quả thi cuối cùng | Kết quả dự tuyển |             |
|----|-----------------------|---------------------|----|--------------|----------------------------------|---------------------------------|---------------------|----------------|---------------|----------------------|------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------------|----------------------------|------------------|-------------|
|    |                       |                     |    | Chuyên ngành | Giáo dục                         | Trường Cao đẳng sư phạm THPTCM  |                     |                |               |                      |                                          |                     |                                  |                                  |                           |                    |                             |                            |                  |             |
| 32 | Trần Ngọc Nhung       | 28/02/1997          | x  | Cao đẳng     | Giáo dục mầm non                 | Trường Cao đẳng sư phạm THPTCM  | Chính quy           | Trung bình     | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                          |                     | Giáo viên mẫu giáo               | Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 3 | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | 81,60                      | 81,60            | Tư vấn      |
| 33 | Nguyễn Thanh Ngân     | 23/5/1997           | x  | Đại học      | Giáo dục mầm non                 | Trường Đại học Sài Gòn          | Vừa làm vừa học     | Khá            | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                          |                     | Giáo viên nhà trẻ                | Trường Mầm non Thị trấn Củ Chi 3 | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | Vắng                       | Vắng             | Không trúng |
| 34 | Trịnh Thị Thủy        | 16/02/1991          | x  | Đại học      | Giáo dục mầm non                 | Trường Đại học Sài Gòn          | Vừa làm vừa học     | Giỏi           | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                          |                     | Giáo viên mẫu giáo               | Trường Mầm non Trung Lập Hạ      | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | 91,60                      | 91,60            | Tư vấn      |
| 35 | Nguyễn Huỳnh Ngọc Lan | 11/10/1996          | x  | Cao đẳng     | Giáo dục mầm non                 | Trường Cao đẳng sư phạm THPTCM  | Vừa làm vừa học     | Khá            | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                          |                     | Giáo viên mẫu giáo               | Trường Mầm non Trung Lập Hạ      | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | 84,00                      | 84,00            | Tư vấn      |
| 36 | Trần Thị Như Hào      | 22/08/1994          | x  | Cao đẳng     | Giáo dục mầm non                 | Trường Cao đẳng sư phạm THPTCM  | Vừa làm vừa học     | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                          |                     | Giáo viên mẫu giáo               | Trường Mầm non Trung Lập Hạ      | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | 82,60                      | 82,60            | Tư vấn      |
| 37 | Trần Thị Ngọc Trinh   | 03/11/1993          | x  | Trung cấp    | Công nghệ kỹ thuật học Công nghệ | Trường Đại học Công nghệ TP HCM | Chính quy           | Trung bình khá | A             | A                    | Chứng chỉ Văn thư - Hành chính văn phòng |                     | Nhân viên văn thư                | Trường Mầm non Tân Thành Tây     | Văn thư trung cấp         | 02.008             | 0                           | 98,00                      | 98,00            | Tư vấn      |
| 38 | Bình Thị Hương        | 20/01/1984          | x  | Cao đẳng     | Giáo dục mầm non                 | Trường Cao đẳng sư phạm THPTCM  | Vừa làm vừa học     | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | A                    |                                          |                     | Giáo viên nhà trẻ                | Trường Mầm non Tân Thành Tây     | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | 88,80                      | 88,80            | Tư vấn      |
| 39 | Trịnh Thị Hằng        | 15/04/1988          | x  | Cao đẳng     | Giáo dục mầm non                 | Trường Cao đẳng sư phạm Hà Nam  | Vừa làm vừa học     | Giỏi           | Tiếng Anh - B | B                    |                                          |                     | Giáo viên mẫu giáo               | Trường Mầm non Tân Thành Tây     | Giáo viên mầm non hàng IV | V.07.02.06         | 0                           | 91,20                      | 91,20            | Tư vấn      |





| ST | Họ và tên    | Ngày tháng năm sinh | Ng | Chuyên môn         |                   |                              |                     | Tin học | Chương chi khác | Ngoại ngữ khác         | CC, BDNVSP (nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |          |                    |                        | Điểm trung bình kết quả cuối cùng | Kết quả dự tuyển |   |       |                   |
|----|--------------|---------------------|----|--------------------|-------------------|------------------------------|---------------------|---------|-----------------|------------------------|---------------------|----------------------------------|----------|--------------------|------------------------|-----------------------------------|------------------|---|-------|-------------------|
|    |              |                     |    | Văn bản, chứng chỉ |                   |                              |                     |         |                 |                        |                     |                                  |          |                    |                        |                                   |                  |   |       |                   |
|    |              |                     |    | Chuyên ngành       | Tốt nghiệp trường | Hệ đào tạo                   | Xếp loại tốt nghiệp |         |                 |                        |                     |                                  |          |                    |                        |                                   |                  |   |       |                   |
| 48 | Trần Thị Lan | 15/06/1991          | x  | Dại học            | Giáo dục Mầm non  | Trường Đại học sư phạm TPHCM | Vừa làm vừa học     | Khả     | Tiếng Anh - B   | Ứng dụng CNTT nâng cao |                     |                                  | Tên VT/L | Giáo viên mẫu giáo | Trường Mầm non Tây Bắc | Giáo viên mầm non hàng IV         | V.07.02.06       | 0 | 78,60 | Không trúng tuyển |

II. TIỂU HỌC

|    |                      |            |   |           |                    |                                 |                 |                |               |                      |  |  |  |                         |                              |                            |            |   |       |             |
|----|----------------------|------------|---|-----------|--------------------|---------------------------------|-----------------|----------------|---------------|----------------------|--|--|--|-------------------------|------------------------------|----------------------------|------------|---|-------|-------------|
| 49 | Nguyễn Thị Cẩm       | 23/08/1992 | x | Dại học   | Giáo dục tiểu học  | Trường Đại học sư phạm TPHCM    | Vừa làm vừa học | Khả            | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  | Giáo viên dạy nhiều môn | Trường Tiểu học An Nhơn Đông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 86,40 | Trúng tuyển |
| 50 | Phạm Thị Hồng Diễm   | 20/09/1990 | x | Dại học   | Giáo dục tiểu học  | Trường Đại học sư phạm TPHCM    | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | A                    |  |  |  | Giáo viên dạy nhiều môn | Trường Tiểu học An Nhơn Đông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 85,00 | Trúng tuyển |
| 51 | Đinh Thị Thu Hà      | 12/02/1996 | x | Dại học   | Giáo dục tiểu học  | Trường Đại học sư phạm TPHCM    | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  | Giáo viên dạy nhiều môn | Trường Tiểu học An Nhơn Đông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 82,80 | Trúng tuyển |
| 52 | Mai Thị Kiều Noen    | 24/12/1996 | x | Dại học   | Giáo dục tiểu học  | Trường Đại học sư phạm TPHCM    | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  | Giáo viên dạy nhiều môn | Trường Tiểu học An Nhơn Đông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 79,00 | Trúng tuyển |
| 53 | Dương Thị Hà         | 20/04/1987 | x | Trung cấp | Hành chính văn thư | Trường Trung lưu trữ Trung ương |                 | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  | Nhân viên văn thư       | Trường Tiểu học An Nhơn Đông | Văn thư trung cấp          | 02.008     | 0 | 79,00 | Trúng tuyển |
| 54 | Tô Thị Phương Uyên   | 13/10/1996 | x | Dại học   | Giáo dục tiểu học  | Trường Đại học sư phạm TPHCM    | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B | A                    |  |  |  | Giáo viên dạy nhiều môn | Trường Tiểu học An Nhơn Tây  | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 81,60 | Trúng tuyển |
| 55 | Huỳnh Thị Phương Nga | 10/7/1998  | x | Dại học   | Giáo dục tiểu học  | Trường Đại học sư phạm TPHCM    |                 | Chính quy      | Giỏi          | Ứng dụng CNTT cơ bản |  |  |  | Giáo viên dạy nhiều môn | Trường Tiểu học An Nhơn Tây  | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 68,80 | Trúng tuyển |

| ST<br>T | - Họ và tên                 | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ        | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác          | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                               |                                   |                               | Đổi<br>tương<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |                         |
|---------|-----------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------|-------------------------|----------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|
|         |                             |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                     |                         |                            |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                        | Tên chức danh<br>nghề nghiệp      | Mã số                         |                                     |                                              |                                 |                          |                         |
|         |                             |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                     |                         |                            |                   |                        |                                  |                               |                                   |                               |                                     |                                              |                                 |                          |                         |
| 56      | Ung Thái Thanh<br>Lan       | 28/03/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Nhơn<br>Tây | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 56,40                           | 56,40                    | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 57      | Phan Gia Huệ                | 20/7/1993              |    | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Cần Thơ          | Chính quy              | Giỏi                | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 2 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phú 1       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 84,80                           | 84,80                    | Trúng<br>tuyển          |
| 58      | Nguyễn Ngọc<br>Thúy         | 05/7/1984              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phú 2       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 85,40                           | 85,40                    | Trúng<br>tuyển          |
| 59      | Nguyễn Thị Kim<br>Linh      | 22/06/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Sài Gòn          | Vừa làm<br>vừa học     | Khá                 | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phú 2       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 84,40                           | 84,40                    | Trúng<br>tuyển          |
| 60      | Trần Thị Yến Ly             | 27/7/1981              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phú 2       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 66,60                           | 66,60                    | Trúng<br>tuyển          |
| 61      | Nguyễn Thị Diệu<br>Hiên     | 17/08/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá                 | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phước       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 90,80                           | 90,80                    | Trúng<br>tuyển          |
| 62      | Nguyễn Thị<br>Phương Nguyên | 17/7/1991              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phước       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 85,00                           | 85,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 63      | Phạm Thị Ngọc<br>Hào        | 31/5/1994              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình -<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học An Phước       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 66,80                           | 66,80                    | Trúng<br>tuyển          |



| ST<br>T | Họ và tên              | Ngày tháng<br>năm sinh | Giới<br>tính | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ        | Tin học          | Chứng chỉ<br>khác          | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                 |                               |            | Điểm<br>tương<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|------------------------|------------------------|--------------|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|---------------------|------------------|----------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                        |                        |              | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                     |                  |                            |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                          | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                      |                                              |                                 |                          |
|         |                        |                        |              | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                     |                  |                            |                   |                        |                                  |                                 |                               |            |                                      |                                              |                                 |                          |
| 64      | Nguyễn Anh Thơ         | 02/8/1996              | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | B                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 79,00                                        | 79,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 65      | Đỗ Thị Tuyền           | 07/01/1990             | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Đại học Huế                        | Học từ xa              | Trung bình -<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | B                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 38,20                                        | 38,20                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 66      | Nguyễn Thị Ngọc<br>Thơ | 26/6/1990              | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 67      | Châu Thị Thu Hiền      | 01/03/1995             | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 78,20                                        | 78,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 68      | Huỳnh Minh Nhựt        | 16/8/1995              |              | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 77,80                                        | 77,80                           | Trúng<br>tuyển           |
| 69      | Phan Thanh Hiền        | 14/06/1989             | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | B                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 64,20                                        | 64,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 70      | Nguyễn Thị Kim<br>Thơ  | 27/12/1995             | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 60,60                                        | 60,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 71      | Lê Gia Huệ             | 31/12/1996             | x            | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá   | Tiếng<br>Anh - B | A                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 60,00                                        | 60,00                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST<br>T | Họ và tên                 | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                 |                               |            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|---------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                           |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                   |                         |                              |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                          | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                           |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                         |                              |                   |                        |                                  |                                 |                               |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 72      | Dương Thị Thùy<br>Linh    | 24/03/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 3 | A                            |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 73      | Võ Thị Hồng<br>Phương     | 18/12/1988             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | A                            |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 74      | Nguyễn Thị<br>Phương Thảo | 06/06/1991             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 3 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 75      | Bùi Thị Tuyết             | 15/10/1987             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Bình Mỹ<br>2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 76      | Trần Ngọc Liên            | 16/12/1998             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một   | Chính quy              | Khá               | Toeic 310               | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Hòa Phú      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 83,00                                        | 83,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 77      | Nguyễn Tuyết<br>Ngân      | 03/11/1991             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một   | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Hoa -<br>Cấp 1 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Hòa Phú      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 80,20                                        | 80,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 78      | Võ Hoàng Ngọc<br>Hồng     | 14/11/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Hòa Phú      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 80,00                                        | 80,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 79      | Lê Thị Mỹ Trang           | 26/11/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Sài Gòn          | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Hòa Phú      | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 78,40                                        | 78,40                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST<br>T | Họ và tên                 | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                          |                                                        |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                              |                               |            | Điểm<br>tương<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|---------------------------|------------------------|----|---------------------|--------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------------------|-------------------------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                           |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                          |                                                        |                        |                   |                         |                              |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                                       | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                      |                                              |                                 |                          |
|         |                           |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường     | Hệ đào<br>tạo                                          | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                         |                              |                   |                        |                                  |                                              |                               |            |                                      |                                              |                                 |                          |
| 80      | Lê Ngọc Hà<br>Nhung       | 08/03/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học Sài Gòn                              | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | A                            |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Lê Thị<br>Pha             | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 77,20                                        | 77,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 81      | Chế Thị Thu Thảo          | 14/02/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Lê Thị<br>Pha             | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 71,60                                        | 71,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 82      | Nguyễn Thị Diễm<br>Hương  | 27/7/1993              | x  | Đại học             | Sư phạm<br>tiếng Anh     | Trường Đại<br>học Sài Gòn                              | Chính quy              | Khá               | Đại học                 | A                            | Tiếng Hoa (B)     |                        | Giáo viên<br>tiếng Anh           | Trường Tiểu<br>học Lê Văn<br>Thế             | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 65,80                                        | 65,80                           | Trúng<br>tuyển           |
| 83      | Trần Thiện Mão            | 17/3/1976              |    | Đại học             | Giáo dục<br>thể chất     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>thể dục thể<br>thao TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Giỏi              | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>thể dục             | Trường Tiểu<br>học Lê Văn<br>Thế             | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 55,00                                        | 55,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 84      | Đinh Thị Nguyệt<br>Ánh    | 20/11/1994             | x  | Trung<br>cấp        | Hành<br>chính văn<br>thư | Trường Trung<br>cấp văn thư<br>lưu trữ Trung<br>ương   | Chính quy              | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | B                            |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Lê Văn<br>Thế             | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0                                    | 52,60                                        | 52,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 85      | Trần Nguyễn<br>Minh Thanh | 04/08/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một                       | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 3 | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Liên<br>minh công<br>nông | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 90,40                                        | 90,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 86      | Cù Thị Thúy Vân           | 30/10/1993             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Liên<br>minh công<br>nông | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 66,60                                        | 66,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 87      | Nguyễn Hoàng<br>Thần      | 19/03/1992             |    | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Liên<br>minh công<br>nông | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 62,40                                        | 62,40                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Ng | Chuyên môn   |                   |                                         | Người           | Tin học        | Chương chi khác   | Ngoại ngữ khác       | CC, BDNVSP (nếu có) | Vị trí việc làm đang ký dự tuyển |                                     |                            |            |   | Điểm trung bình kết quả thi | Điểm qua sát hạch | Đội tuyển (nếu có) | Kết quả dự tuyển |  |
|----|----------------------|---------------------|----|--------------|-------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------|-------------------|----------------------|---------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|------------|---|-----------------------------|-------------------|--------------------|------------------|--|
|    |                      |                     |    | Chuyên ngành | Tốt nghiệp trường | Hệ đào tạo                              |                 |                |                   |                      |                     | Tên VT/L                         | Đơn vị                              | Tên chức danh nghề nghiệp  | Mã số      |   |                             |                   |                    |                  |  |
|    |                      |                     |    |              |                   |                                         |                 |                |                   |                      |                     |                                  |                                     |                            |            |   |                             |                   |                    |                  |  |
| 88 | Võ Thị Thanh Hương   | 04/01/1996          | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học Quảng Nam                | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - C     | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Liên minh công nông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | Vàng                        | Vàng              |                    |                  |  |
| 89 | Nguyễn Thị Như Thảo  | 04/8/1998           | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học Sài Gòn                  | Chính quy       | Giỏi           | Tiếng Anh - bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Liên Minh Công Nông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | Vàng                        | Vàng              |                    |                  |  |
| 90 | Lương Thị Minh Thảo  | 28/02/1997          | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học Sài Gòn                  | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Liên minh công nông | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | Vàng                        | Vàng              |                    |                  |  |
| 91 | Trần Thanh Trúc      | 09/05/1994          | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học TP HCM                   | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng     | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 95,20                       | 95,20             |                    |                  |  |
| 92 | Huỳnh Ngọc Mai Trinh | 29/6/1996           | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học TP HCM                   | Vừa làm vừa học | Khả            | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng     | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 92,20                       | 92,20             |                    |                  |  |
| 93 | Trần Thị Kim Dung    | 03/8/1995           | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học TP HCM                   | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng     | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 83,00                       | 83,00             |                    |                  |  |
| 94 | Đinh Thị Thanh Van   | 28/4/1995           | x  | Đại học      | Giáo dục tiểu học | Trường Đại học sư phạm, Đại học Huế     | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - Bậc 3 | B                    |                     | Giáo viên dạy nhiều môn          | Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng     | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | Vàng                        | Vàng              |                    |                  |  |
| 95 | Lê Anh Thi           | 02/8/1995           |    | Đại học      | Giáo dục thể chất | Trường Đại học thể dục thể thao TP. HCM | Vừa làm vừa học | Khả            | A                 | Ứng dụng CNTT cơ bản |                     | Giáo viên thể dục                | Trường Tiểu học Nguyễn Thị Lăng     | Giáo viên tiểu học hàng IV | V.07.03.09 | 0 | 82,80                       | 82,80             |                    |                  |  |



| ST<br>T | Họ và tên                | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                                     |                        |                   | Ngoại<br>ngữ                   | Tin học                      | Chứng chỉ<br>khác                                                        | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                       |                               |            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|--------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|-----------------------------------------------------|------------------------|-------------------|--------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                          |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                                     |                        |                   |                                |                              |                                                                          |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                                | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                          |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                                       | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                                |                              |                                                                          |                   |                        |                                  |                                       |                               |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 96      | Nguyễn Thị Minh<br>Thơ   | 04/04/1993             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B               | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Nguyễn<br>Văn Lịch | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 5                                   | 75,60                                        | 80,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 97      | Trần Thị Yến             | 26/03/1993             | x  | Đại học             | Văn học              | Trường Đại<br>học Khoa học<br>xã hội và nhân<br>văn | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh -<br>TOEFL<br>413 | A                            | Chứng chỉ<br>quản trị<br>văn phòng<br>và công tác<br>văn thư,<br>lưu trữ |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Nhuận<br>Đức       | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 5                                   | 86,40                                        | 91,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 98      | Lê Thị Cẩm Giang         | 06/01/1992             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B               | A                            |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Nhuận<br>Đức       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 81,20                                        | 81,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 99      | Võ Thị Ngọc<br>Huyền     | 29/8/1993              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B               | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Nhuận<br>Đức       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 78,10                                        | 78,10                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 100     | Nguyễn Thị Thanh<br>Thảo | 03/09/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B               | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Nhuận<br>Đức 2     | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 71,40                                        | 71,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 101     | Nguyễn Thị Thanh<br>Nhi  | 29/10/1993             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B               | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phạm<br>Văn Cội    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 82,60                                        | 82,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 102     | Nguyễn Ngọc<br>Dung      | 24/04/1987             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B               | A                            |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phạm<br>Văn Cội    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 35,40                                        | 35,40                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 103     | Thạch Thị Thanh<br>Tuyền | 17/07/1990             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                  | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B               | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phú Hòa<br>Đông    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 86,40                                        | 86,40                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST<br>T | Họ và tên                | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                        |                        |                   | Ngoại<br>ngữ     | Tin học                    | Chứng chỉ<br>khác                                                        | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                      |                               |            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|--------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|----------------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                          |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                        |                        | Tên VTVL          |                  |                            |                                                                          |                   |                        | Đơn vị                           | Tên chức danh<br>nghề nghiệp         | Mã số                         |            |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                          |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                          | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                  |                            |                                                                          |                   |                        |                                  |                                      |                               |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 104     | Trần Thị Huỳnh<br>Phước  | 12/10/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phú Hòa<br>Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 68,20                                        | 68,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 105     | Ninh Thị Hồng<br>Nhưng   | 14/01/1992             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phú Hòa<br>Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 51,20                                        | 51,20                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 106     | Nguyễn Đào<br>Quỳnh Ngân | 13/04/1977             | x  | Đại học             | Sinh học             | Trường Đại<br>học Khoa học<br>tự nhiên | Chính quy              | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | B                          | Chứng chỉ<br>quản trị<br>văn phòng<br>và công tác<br>văn thư,<br>lưu trữ |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Phú Hòa<br>Đông   | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0                                   | 66,20                                        | 66,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 107     | Trần Nam Phương          | 24/02/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phú Hòa<br>Đông 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 73,80                                        | 73,80                           | Trúng<br>tuyển           |
| 108     | Lê Thị Cẩm Duyên         | 26/10/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phước<br>Hiệp     | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 86,40                                        | 86,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 109     | Lê Thị Kim Châu          | 08/11/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | A                          |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phước<br>Hiệp     | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 85,40                                        | 85,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 110     | Nguyễn Trần<br>Châu Pha  | 29/04/1985             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | A                          |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phước<br>Hiệp     | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 68,60                                        | 68,60                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 111     | Đỗ Thị Ngọc<br>Quyên     | 24/09/1990             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | B                          |                                                                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Phước<br>Hiệp     | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 51,40                                        | 51,40                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |

| ST<br>T | Họ và tên                 | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                        |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác          | Ngoại ngữ<br>khác                                                  | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                     |                               |            | Điểm<br>tương<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|---------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|----------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                           |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                        |                        |                   |                         |                            |                                                                    |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                              | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                      |                                              |                                 |                          |
|         |                           |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                          | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                         |                            |                                                                    |                        |                                  |                                     |                               |            |                                      |                                              |                                 |                          |
| 112     | Nguyễn Thị<br>Phương Linh | 16/09/1997             | x  | Đại học             | Quản lý<br>Giáo dục  | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản | Bồi dưỡng<br>nghề nghiệp vụ<br>văn thư lưu<br>trữ                  |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Phước<br>Thanh   | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0                                    | 87,00                                        | 87,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 113     | Phạm Thị Bích<br>Trâm     | 11/10/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                    |                        | Giáo viên<br>day nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Phú          | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 83,60                                        | 83,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 114     | Ngô Long Trường           | 01/01/1992             |    | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                    |                        | Giáo viên<br>day nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Phú          | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 83,40                                        | 83,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 115     | Hứa Thanh Huyền           | 04/10/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Tây<br>Nguyên        | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh (bậc<br>3) | B                          |                                                                    |                        | Giáo viên<br>day nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Phú          | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 5                                    | 69,40                                        | 74,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 116     | Phạm Thị Bảo<br>Trâm      | 11/10/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                    |                        | Giáo viên<br>day nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Phú          | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | 67,00                                        | 67,00                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 117     | Lý Thị Ngoan              | 10/11/1990             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Quy Nhơn             | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                    |                        | Giáo viên<br>day nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Phú          | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 118     | Mai Trần Diễm<br>Phúc     | 23/6/1995              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM     | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                    |                        | Giáo viên<br>day nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Phú          | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                    | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 119     | Lê Thị Kim Liên           | 01/4/1983              | x  | Đại học             | Kế toán<br>kiểm toán | Trường Đại<br>học Quốc tế<br>Hong Kong | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | A                          | CC. quản<br>trị văn<br>phòng và<br>công tác<br>văn thư,<br>lưu trữ |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Tân Phú<br>Trung | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0                                    | 75,20                                        | 75,20                           | Trúng<br>tuyển           |





| ST<br>T | Họ và tên                           | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học          | Chứng chỉ<br>khác          | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                               |                                        |                               | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |                         |
|---------|-------------------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|----------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|
|         |                                     |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                   |                  |                            |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                        | Tên chức danh<br>nghề nghiệp           | Mã số                         |                                     |                                              |                                 |                          |                         |
|         |                                     |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                  |                            |                   |                        |                                  |                               |                                        |                               |                                     |                                              |                                 |                          |                         |
| 128     | Nguyễn Thu Thảo                     | 26/08/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 86,60                           | 86,60                    | Trúng<br>tuyển          |
| 129     | Phạm Hoàng Oanh                     | 15/02/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 85,40                           | 85,40                    | Trúng<br>tuyển          |
| 130     | Trần Lê My                          | 15/9/1996              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 82,00                           | 82,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 131     | Phan Nguyễn Kim<br>Ngân             | 07/10/1993             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 67,60                           | 67,60                    | Trúng<br>tuyển          |
| 132     | Trần Thị Trang                      | 01/3/1996              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Phú Yên          | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | B                          |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông   | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | Vắng                            | Vắng                     | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 133     | Nguyễn Thị Ngọc<br>Trang            | 07/03/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 94,00                           | 94,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 134     | Nguyễn Tuấn Vũ                      | 24/09/1996             |    | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 83,00                           | 83,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 135     | Trần Phan Nguyễn<br>Phương Hoài Anh | 21/09/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thanh Đông 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | Vắng                            | Vắng                     | Không<br>trúng<br>tuyển |

| ST<br>T | Họ và tên               | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học          | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                               |                                        |                               | Đôi<br>trượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |                         |
|---------|-------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------|------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|
|         |                         |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                   |                  |                              |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                        | Tên chức danh<br>nghề nghiệp           | Mã số                         |                                      |                                              |                                 |                          |                         |
|         |                         |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                  |                              |                   |                        |                                  |                               |                                        |                               |                                      |                                              |                                 |                          |                         |
| 136     | Hà Thanh Nhã            | 24/10/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thạnh Đông 3 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 69,00                           | 69,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 137     | Nguyễn Thị Tuyết<br>Hoa | 18/01/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thạnh Đông 3 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 65,20                           | 65,20                    | Trúng<br>tuyển          |
| 138     | Nguyễn Lê Thùy          | 20/08/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNIT<br>nâng cao |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thạnh Tây    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 82,60                           | 82,60                    | Trúng<br>tuyển          |
| 139     | Hồng Anh Thu            | 11/03/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thạnh Tây    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 74,00                           | 74,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 140     | Nguyễn Thị Kim<br>Linh  | 04/5/1995              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thông        | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 86,60                           | 86,60                    | Trúng<br>tuyển          |
| 141     | Nguyễn Thị<br>Quỳnh Lan | 09/06/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Sài Gòn          | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thông Hội    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 5                                            | 88,00                           | 93,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 142     | Phạm Nguyễn<br>Quế Minh | 17/12/1991             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân<br>Thông Hội    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 72,80                           | 72,80                    | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 143     | Lê Thị Phương<br>Trần   | 18/07/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến            | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                           | 0                                            | 90,40                           | 90,40                    | Trúng<br>tuyển          |

| ST<br>T | Họ và tên               | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                          |                                            |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học           | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác                                                       | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                             |                               |            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|-------------------------|------------------------|----|---------------------|--------------------------|--------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                         |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                          |                                            |                        |                   |                   |                              |                                                                         |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                      | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                         |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường     | Hệ đào<br>tạo                              | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                   |                              |                                                                         |                        |                                  |                             |                               |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 144     | Hồ Thị Mộng Kim         | 17/7/1995              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM         | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                         |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 87,80                                        | 87,80                           | Trúng<br>tuyển           |
| 145     | Nguyễn Thị Hương        | 25/5/1993              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một           | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Hoa - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                         |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 82,40                                        | 82,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 146     | Bùi Thị Kim Liên        | 11/01/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM         | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                         |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 78,40                                        | 78,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 147     | Lê Thị Ngọc<br>Huyền    | 03/02/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM         | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                                                                         |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 58,00                                        | 58,00                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 148     | Đình Tuấn Anh           | 05/9/1997              |    | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm,<br>Đại học Huế  | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B1 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                         | *                      | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 149     | Nguyễn Thị Hồng<br>Linh | 26/12/1990             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM         | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                         |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 150     | Lê Thị Ngọc<br>Ngưng    | 30/03/1994             | x  | Đại học             | Tài chính -<br>Ngân hàng | Trường Đại<br>học Công<br>nghiệp<br>TP.HCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình        | Tiếng<br>Anh - B  | A                            | Chứng chỉ<br>Quản trị<br>văn phòng<br>và công tác<br>văn thư lưu<br>trữ |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Tân Tiến | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0                                   | 68,80                                        | 68,80                           | Trúng<br>tuyển           |
| 151     | Nguyễn Hoàng<br>Anh Thư | 20/8/1998              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học     | Trường Đại<br>học Sài Gòn                  | Chính quy              | Giỏi              | TOEIC<br>460      | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                                                                         |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thái Mỹ  | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 93,40                                        | 93,40                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST<br>T | Họ và tên              | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học           | Chứng chỉ<br>khác          | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                         |                               |            | Đôi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                        |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                   |                   |                            |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                                  | Tên chức danh<br>nghề nghiệp  | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                        |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                   |                            |                   |                        |                                  |                                         |                               |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 152     | Kim Du Linh            | 27/04/1997             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học Sài Gòn          | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thái Mỹ              | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 92,00                                        | 92,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 153     | Lê Thị Kim Ngân        | 13/07/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | A                          |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thái Mỹ              | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 88,40                                        | 88,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 154     | Nguyễn Thị Hồng<br>Đào | 01/01/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - A2 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thái Mỹ              | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 155     | Nguyễn Đăng<br>Khoa    | 24/10/1997             |    | Trung<br>cấp        | Văn thư -<br>Lưu trữ | Trường Đại<br>học Nội vụ Hà<br>Nội | Chính quy              | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Nhân viên<br>văn thư             | Trường Tiểu<br>học Thái Mỹ              | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0                                   | 76,60                                        | 76,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 156     | Võ Thị Kim Ngân        | 15/11/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thị trấn<br>Cù Chi 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 94,40                                        | 94,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 157     | Phan Thị Quỳnh<br>Nhu  | 10/10/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thị trấn<br>Cù Chi 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 78,00                                        | 78,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 158     | Trần Mai Thạch<br>Thảo | 13/01/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Thị trấn<br>Cù Chi 2 | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 159     | Phan Châu Khanh        | 25/03/1995             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B  | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                        | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn    | Trường Tiểu<br>học Trần Văn<br>Chăm     | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0                                   | 69,60                                        | 69,60                           | Trúng<br>tuyển           |



| ST<br>T | Họ và tên                 | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                    |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                               |                                        |                               | Đối<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |                |
|---------|---------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|----------------|
|         |                           |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                    |                        |                   |                         |                              |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                        | Tên chức danh<br>nghề nghiệp           | Mã số                         |                                     |                                              |                                 |                          |                |
|         |                           |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                      | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                         |                              |                   |                        |                                  |                               |                                        |                               |                                     |                                              |                                 |                          |                |
| 160     | Lê Thị Tài Nguyên         | 04/11/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Trần Văn<br>Chăm    | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 69,00                           | 69,00                    | Trúng<br>tuyển |
| 161     | Bùi Nguyễn<br>Thanh Thanh | 16/09/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Trung An            | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 86,60                           | 86,60                    | Trúng<br>tuyển |
| 162     | Lê Bích Trâm              | 31/10/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Trung               | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 79,60                           | 79,60                    | Trúng<br>tuyển |
| 163     | Nguyễn Thị Kim<br>Ngân    | 07/06/1993             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Trung An            | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 68,40                           | 68,40                    | Trúng<br>tuyển |
| 164     | Hồ Thị Thanh Tâm          | 13/05/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường Tiểu<br>học Trung<br>Lập Thượng | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 66,00                           | 66,00                    | Trúng<br>tuyển |
| 165     | Trần Tuấn Anh             | 04/9/1994              |    | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường TH -<br>THCS Tân<br>Trung       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 2,5                                          | 95,00                           | 97,50                    | Trúng<br>tuyển |
| 166     | Nguyễn Thị Liên<br>Trình  | 27/5/1994              | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 3 | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường TH -<br>THCS Tân<br>Trung       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 90,00                           | 90,00                    | Trúng<br>tuyển |
| 167     | Võ Thị Ngọc Diễm          | 25/09/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>tiểu học | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                  | Giáo viên<br>dạy nhiều<br>môn | Trường TH -<br>THCS Tân<br>Trung       | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09                          | 0                                            | 87,00                           | 87,00                    | Trúng<br>tuyển |



| ST<br>T | Họ và tên               | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                       |                                                  |                        | Ngoại<br>ngữ      | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển                              |                                   |                                    |                            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |                         |
|---------|-------------------------|------------------------|----|---------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------|
|         |                         |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                       |                                                  |                        |                   |                         |                              |                   |                        | Tên VTVL                                                      | Đơn vị                            | Tên chức danh<br>nghề nghiệp       | Mã số                      |                                     |                                              |                                 |                          |                         |
|         |                         |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường  | Hệ đào<br>tạo                                    | Xếp loại<br>tốt nghiệp |                   |                         |                              |                   |                        |                                                               |                                   |                                    |                            |                                     |                                              |                                 |                          |                         |
| 176     | Hà Ngọc Anh Thi         | 13/05/1994             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>chính trị | Trường Đại<br>học Sài Gòn                        | Vừa làm<br>vừa học     | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | A                            |                   |                        |                                                               | Giáo viên<br>Giáo dục<br>công dân | Trường<br>THCS Hòa<br>Phú          | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 55,00                           | 55,00                    | Trúng<br>tuyển          |
| 177     | Võ Thu Thủy             | 09/06/1995             | x  | Đại học             | Ngôn ngữ<br>Anh       | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một                 | Chính quy              | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B1       | A                            |                   | Tiếng Hoa<br>(Cấp 3)   | Cao đẳng sư<br>phạm tiếng Anh<br>thay thế CC<br>BDNV sư phạm  | Giáo viên<br>tiếng Anh            | Trường<br>THCS Hòa<br>Phú          | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 78,80                           | 78,80                    | Trúng<br>tuyển          |
| 178     | Huỳnh Dương<br>Tường Vy | 24/05/1996             | x  | Đại học             | Ngôn ngữ<br>Anh       | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một                 | Chính quy              | Khá               | Đại học                 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   | Tiếng Hoa<br>(Cấp 1)   | Cao đẳng sư<br>phạm tiếng Anh<br>thay thế CC.<br>BDNV sư phạm | Giáo viên<br>tiếng Anh            | Trường<br>THCS Hòa<br>Phú          | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 64,20                           | 64,20                    | Trúng<br>tuyển          |
| 179     | Tô Trọng Nhân           | 30/4/1997              |    | Đại học             | Sư phạm<br>Toán học   | Trường Đại<br>học Sài Gòn                        | Chính quy              | Giỏi              | Tiếng<br>Anh - bậc<br>3 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                                               | Giáo viên<br>môn Toán             | Trường<br>THCS Hòa<br>Phú          | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | Vắng                            | Vắng                     | Không<br>trúng<br>tuyển |
| 180     | Bùi Thị Thanh<br>Trâm   | 07/11/1997             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Ngữ văn    | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một                 | Chính quy              | Khá               | Toeic 380               | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                   |                        |                                                               | Giáo viên<br>Văn                  | Trường<br>THCS<br>Nguyễn Văn<br>Xơ | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 54,40                           | 54,40                    | Trúng<br>tuyển          |
| 181     | Phan Tiến Đạt           | 06/7/1998              |    | Đại học             | Giáo dục<br>thể chất  | Trường Đại<br>học thể dục<br>thể thao TP.<br>HCM | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        |                                                               | Giáo viên<br>thể dục              | Trường<br>THCS<br>Nguyễn Văn<br>Xơ | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 55,20                           | 55,20                    | Trúng<br>tuyển          |
| 182     | Nguyễn Thị Nhiên        | 12/10/1989             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Hóa học    | Trường Đại<br>học Đồng Tháp                      | Chính quy              | Trung bình<br>khá | Tiếng<br>Anh - B        | B                            |                   |                        |                                                               | Giáo viên<br>Hóa học              | Trường<br>THCS Nhuận<br>Đức        | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 76,20                           | 76,20                    | Trúng<br>tuyển          |
| 183     | Hoàng Thị Mỹ            | 28/01/1994             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Hóa học    | Trường Đại<br>học Quảng<br>Binh                  | Chính quy              | Khá               | Tiếng<br>Anh - B        | B                            |                   |                        |                                                               | Giáo viên<br>Hóa học              | Trường<br>THCS Nhuận<br>Đức        | Giáo viên THCS<br>hạng III | V.07.04.12                          | 0                                            | 68,40                           | 68,40                    | Không<br>trúng<br>tuyển |

| STT | Họ và tên            | Ngày tháng năm sinh | Nữ | Chuyên môn        |                                    |                 | Ngoại ngữ      | Tin học           | Chứng chỉ khác                      | Ngoại ngữ khác      | CC, BDNVSP (nếu có)      | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |            |        |                           |       |                   |                   |               |                |                  |
|-----|----------------------|---------------------|----|-------------------|------------------------------------|-----------------|----------------|-------------------|-------------------------------------|---------------------|--------------------------|----------------------------------|------------|--------|---------------------------|-------|-------------------|-------------------|---------------|----------------|------------------|
|     |                      |                     |    | Chuyên ngành      | Tốt nghiệp trường                  | Hệ đào tạo      |                |                   |                                     |                     |                          | Xếp loại tốt nghiệp              | Tên VT/L   | Đơn vị | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số | Đội               | Điểm bình kết     | Điểm vượt bậc | Điểm cuối cùng | Kết quả dự tuyển |
|     |                      |                     |    |                   |                                    |                 |                |                   |                                     |                     |                          |                                  |            |        |                           |       |                   |                   |               |                |                  |
|     |                      |                     |    |                   |                                    |                 |                |                   |                                     |                     |                          |                                  |            |        |                           |       |                   |                   |               |                |                  |
| 184 | Lê Trần Nhật Linh    | 12/01/1995          |    | Sư phạm Toán học  | Trường Đại học Cần Thơ             | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - B     | B                                   | Hóa học             | Trường THCS Nhượng Đức   | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | Vàng                      | Vàng  | Không trúng tuyển | Không trúng tuyển |               |                |                  |
| 185 | Trần Thị Huỳnh Mai   | 23/5/1995           | x  | Sư phạm Hóa học   | Trường Đại học TP HCM              | Chính quy       | Khả            | TOEIC 165         | Ứng dụng CNTT cơ bản                | Hóa học             | Trường THCS Phú Hòa Đông | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | 84,40                     | 84,40 | Túng tuyển        | Túng tuyển        |               |                |                  |
| 186 | Ngô Văn Thọ          | 26/12/1997          |    | Sư phạm Hóa học   | Trường Đại học Sài Gòn             | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - Bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản                | Hóa học             | Trường THCS Phú Hòa Đông | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | Vàng                      | Vàng  | Không trúng tuyển | Không trúng tuyển |               |                |                  |
| 187 | Nguyễn Khánh Linh    | 24/12/1996          | x  | Sư phạm Lịch sử   | Trường Đại học Tây Bắc             | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - C     | Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản | Giáo viên Lịch sử   | Trường THCS Phú Hòa Đông | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | 50,60                     | 50,60 | Túng tuyển        | Túng tuyển        |               |                |                  |
| 188 | Huỳnh Thị Bích Trang | 04/09/1995          | x  | Sư phạm Địa lý    | Trường Đại học TP HCM              | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản                | Địa lý              | Trường THCS Phú Hòa Đông | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | Vàng                      | Vàng  | Không trúng tuyển | Không trúng tuyển |               |                |                  |
| 189 | Nguyễn Thị Xuân      | 10/10/1996          | x  | Sư phạm Toán học  | Trường Đại học Vĩnh                | Vừa làm vừa học | Giỏi           | Tiếng Anh - bậc 3 | B                                   | Giáo viên môn Toán  | Trường THCS Phú Mỹ Hưng  | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | Vàng                      | Vàng  | Không trúng tuyển | Không trúng tuyển |               |                |                  |
| 190 | Thái Ngọc Thủy       | 01/02/1994          | x  | Sư phạm Tiếng Anh | Trường Đại học Sài Gòn             | Chính quy       | Khả            | Tiếng Anh - B1    | A                                   | Giáo viên tiếng Anh | Trường THCS Phước Hiệp   | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | 67,00                     | 67,00 | Túng tuyển        | Túng tuyển        |               |                |                  |
| 191 | Doãn Trung Thành     | 10/12/1985          |    | Sư phạm Toán học  | Trường Đại học sư phạm Đại học Huế | Vừa làm vừa học | Trung bình khá | Tiếng Anh - B     | Cao đẳng sư phạm Toán - tin         | Giáo viên môn Toán  | Trường THCS Phước Hiệp   | Giáo viên THCS hàng III          | V.07.04.12 | 0      | Vàng                      | Vàng  | Không trúng tuyển | Không trúng tuyển |               |                |                  |



| ST<br>T | Họ và tên                 | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                                    |                                              |                        | Ngoại<br>ngữ | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác          | Ngoại ngữ<br>khác                                                 | CC. BDNVSP<br>(nếu có)                  | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                 |                              |            | Đối<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|---------------------------|------------------------|----|---------------------|------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|--------------|-------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                           |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                                    |                                              |                        |              |                         |                            |                                                                   |                                         | Tên VTVL                         | Đơn vị                          | Tên chức danh<br>nghề nghiệp | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                           |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường               | Hệ đào<br>tạo                                | Xếp loại<br>tốt nghiệp |              |                         |                            |                                                                   |                                         |                                  |                                 |                              |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 192     | Trương Thị<br>Phượng Hằng | 08/01/1993             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Toán                    | Trường Đại<br>học khoa học<br>tự nhiên       | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |                                                                   |                                         | Giáo viên<br>môn Toán            | Trường<br>THCS Phước<br>Hiệp    | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 193     | Nguyễn Thị Mỹ<br>Hạnh     | 27/3/1998              | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Địa lý                  | Trường Đại<br>học Sài Gòn                    | Chính quy              | Trung bình   | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                   |                                         | Giáo viên<br>Địa lý              | Trường<br>THCS Phước<br>Thanh   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | 84,00                                        | 84,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 194     | Nguyễn Hoài<br>Vương      | 10/12/1991             |    | Đại học             | Giáo dục<br>thể chất               | Trường Đại<br>học Bình<br>Dương              | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh - A        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                                                                   |                                         | Giáo viên<br>Thể dục             | Trường<br>THCS Phước<br>Thanh   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | 53,00                                        | 53,00                           | Trúng<br>tuyển           |
| 195     | Nguyễn Thị Bích<br>Chương | 05/01/1991             | x  | Đại học             | Ngữ văn                            | Trường Đại<br>học Quy Nhơn                   | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |                                                                   | CC. NV sư phạm<br>cấp ngày<br>19/6/2014 | Giáo viên<br>Văn                 | Trường<br>THCS Phước<br>Vĩnh An | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | 53,60                                        | 53,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 196     | Phạm Thị Mỹ Linh          | 30/03/1988             | x  | Trung<br>cấp        | Kế toán<br>hành chính<br>sự nghiệp | Trường Cao<br>đẳng kinh tế<br>TP.HCM         | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh - B        | B                          | CC. Quản<br>trị văn<br>phòng và<br>công tác<br>văn thư lưu<br>trữ |                                         | Nhân viên<br>văn thư             | Trường<br>THCS Tân<br>An Hội    | Văn thư trung cấp            | 02.008     | 0                                   | 70,60                                        | 70,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 197     | Cao Thị Tiến              | 02/02/1993             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>tiếng Anh               | Trường Đại<br>học Ngoại ngữ<br>- Đại học Huế | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh (bậc<br>5) | B                          | Tiếng Trung -<br>B                                                |                                         | Giáo viên<br>tiếng Anh           | Trường<br>THCS Tân<br>An Hội    | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 198     | Nguyễn Vũ Như<br>Lân      | 26/4/1987              |    | Đại học             | Sư phạm<br>Toán học                | Trường Đại<br>học Quy Nhơn                   | Chính quy              | Trung bình   | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |                                                                   |                                         | Giáo viên<br>môn Toán            | Trường<br>THCS Tân<br>Phú Trung | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | 53,40                                        | 53,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 199     | Trần Hoàng Quý            | 25/10/1991             |    | Đại học             | Sư phạm<br>Toán học                | Trường Đại<br>học Đồng Tháp                  | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |                                                                   |                                         | Giáo viên<br>môn Toán            | Trường<br>THCS Tân<br>Phú Trung | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | 26,20                                        | 26,20                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |

| ST  | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Nữ | Chuyên môn        |                           |                                         | Ngoại ngữ       | Tin học        | Chứng chỉ khác    | Ngoại ngữ khác       | CC, BDVSP (nếu có)                              | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                           |                         |                           |          |        |                           |             |     |                                  | Điểm Diễm | Kết quả tuyển dụng |                        |       |     |                                  |                        |
|-----|-----------------------|---------------------|----|-------------------|---------------------------|-----------------------------------------|-----------------|----------------|-------------------|----------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------|----------|--------|---------------------------|-------------|-----|----------------------------------|-----------|--------------------|------------------------|-------|-----|----------------------------------|------------------------|
|     |                       |                     |    | Chuyên ngành      |                           |                                         |                 |                |                   |                      |                                                 | Xếp loại                         | Văn bằng, chứng chỉ       |                         |                           | Tên VT/L | Đơn vị | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số       | Đội | Điểm trung bình kết quả sát hạch |           |                    | Điểm kết quả cuối cùng |       |     |                                  |                        |
|     |                       |                     |    | Tốt nghiệp trường | Hệ đào tạo                | Chuyên ngành                            |                 |                |                   |                      |                                                 |                                  | Chứng chỉ                 | Đơn vị                  | Tên chức danh nghề nghiệp |          |        |                           |             |     |                                  |           |                    |                        | Mã số | Đội | Điểm trung bình kết quả sát hạch | Điểm kết quả cuối cùng |
|     |                       |                     |    |                   |                           |                                         |                 |                |                   |                      |                                                 |                                  |                           |                         |                           |          |        |                           |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 200 | Huỳnh Nguyễn Kim Dung | 27/5/1997           | x  | Đại học           | Sư phạm Vật lý            | Trường Đại học Sài Gòn                  | Chính quy       | Trung bình     | Tiếng Anh - bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản | Giáo viên Vật lý                                | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | 69,80    | 69,80  | 69,80                     | Tuyệt       |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 201 | Phan Thị Hoài         | 18/10/1994          | x  | Đại học           | Sư phạm Vật lý            | Đại học Quảng Bình                      | Chính quy       | Giỏi           | Tiếng Anh - B     | B                    | Giáo viên Vật lý                                | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | 63,60    | 63,60  | Không tuyển               |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 202 | Trần Thị Thanh Hương  | 28/09/1998          | x  | Đại học           | Sư phạm Vật lý            | Đại học Sài Gòn                         | Chính quy       | Khá            | Tiếng Anh - bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản | Giáo viên Vật lý                                | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | 62,20    | 62,20  | Không tuyển               |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 203 | Phan Thị Hải Dương    | 26/01/1997          | x  | Đại học           | Sư phạm Vật lý            | Trường Đại học TP HCM                   | Chính quy       | Giỏi           | Tiếng Anh - Bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản | Giáo viên Vật lý                                | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | Văng     | Văng   | Không tuyển               |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 204 | Trần Văn Phú          | 20/3/1982           |    | Đại học           | Cử nhân Khoa học - Vật lý | Trường Đại học Khoa học - Thái Nguyên   | Chính quy       | Trung bình khá | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản | Chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm bậc 1 cấp 01/6/2009 | Giáo viên Vật lý                 | Trường THCS Tân Phú Trung | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12                | 0        | Văng   | Văng                      | Không tuyển |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 205 | Trần Thị Hằng         | 02/02/1996          | x  | Đại học           | Sư phạm Vật lý            | Trường Đại học Quảng Bình               | Chính quy       | Khá            | Tiếng Anh - B     | B                    | Giáo viên Vật lý                                | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | Văng     | Văng   | Không tuyển               |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 206 | Nguyễn Thị Mỹ         | 16/9/1993           | x  | Đại học           | Sư phạm Vật lý            | Trường Đại học Sài Gòn                  | Vừa làm vừa học | Khá            | Tiếng Anh - B     | A                    | Giáo viên Vật lý                                | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | Văng     | Văng   | Không tuyển               |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |
| 207 | Nguyễn Thị Nhật Lệ    | 01/02/1996          | x  | Đại học           | Sư phạm Ngữ văn           | Trường Đại học sư phạm, Đại học Đà Nẵng | Chính quy       | Khá            | Tiếng Anh - C     | Ứng dụng CNTT cơ bản | Giáo viên Văn                                   | Trường THCS Tân Phú Trung        | Giáo viên THCS hàng III   | V.07.04.12              | 0                         | 63,40    | 63,40  | Tuyệt                     |             |     |                                  |           |                    |                        |       |     |                                  |                        |



| STT | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Nữ | Chuyên môn        |                                 |                              |                 | Ngoại ngữ  | Tin học           | Chứng chỉ khác       | Ngoại ngữ khác                                     | CC, BDNVSP (nếu có) | Vị trí việc làm đang ký dự tuyển |                            |                           |            |                    |                                       |                                 |
|-----|-----------------------|---------------------|----|-------------------|---------------------------------|------------------------------|-----------------|------------|-------------------|----------------------|----------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------|----------------------------|---------------------------|------------|--------------------|---------------------------------------|---------------------------------|
|     |                       |                     |    | Chuyên môn        |                                 |                              |                 |            |                   |                      |                                                    |                     | Tên VT/L                         | Đơn vị                     | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      | Đội tuyển (nếu có) | Điểm bình quân kết thúc khóa sát hạch | Điểm kết quả dự tuyển cuối cùng |
|     |                       |                     |    | Chuyên ngành      |                                 |                              |                 |            |                   |                      |                                                    |                     |                                  |                            |                           |            |                    |                                       |                                 |
|     |                       |                     |    | Tốt nghiệp trường | Hệ đào tạo                      | Xếp loại tốt nghiệp          | Chuyên ngành    |            |                   |                      |                                                    |                     |                                  |                            |                           |            |                    |                                       |                                 |
| 216 | Nguyễn Thị Thanh Nhan | 05/12/1982          | x  | Trung cấp         | Thư viện - Thiết bị cấp Quốc tế | Trường Trung Sài Gòn         | Vừa làm vừa học | Khả        | Tiếng Anh - B     | A                    |                                                    |                     | Nhân viên Thư viện               | Trường THCS Tân Thạnh Đông | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 | 0                  | 74,00                                 | Tuyển                           |
| 217 | Phạm Thị Minh Tuyền   | 25/01/1991          | x  | Đại học           | Sư phạm Lịch sử                 | Trường Đại TP HCM            | Chính quy       | Khả        | Tiếng Anh - B     | A                    |                                                    |                     | Giáo viên Lịch sử                | Trường THCS Tân Thạnh Đông | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.12 | 0                  | Văng                                  | Không tuyển                     |
| 218 | Lê Thị Ngọc Trâm      | 18/03/1991          | x  | Đại học           | Sư phạm Toán học                | Trường Đại TP HCM            | Vừa làm vừa học | Khả        | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                                    |                     | Giáo viên môn Toán               | Trường THCS Tân Tây        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.12 | 0                  | 64,00                                 | Tuyển                           |
| 219 | Trần Ngọc Thảo        | 16/5/1989           | x  | Đại học           | Giáo dục chính trị              | Trường Đại học Sài Gòn       | Chính quy       | Khả        | Tiếng Anh - B     | A                    |                                                    |                     | Giáo viên Giáo dục công dân      | Trường THCS Tân Thạnh Hội  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.12 | 5                  | 61,20                                 | Tuyển                           |
| 220 | Lê Quốc Tuấn          | 11/05/1995          |    | Đại học           | Giáo dục chính trị              | Trường Đại học Sài Gòn       | Chính quy       | Khả        | Tiếng Anh - B     | A                    |                                                    |                     | Giáo viên Giáo dục công dân      | Trường THCS Tân Thạnh Hội  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.12 | 0                  | 59,40                                 | Không tuyển                     |
| 221 | Tô Nguyễn Hoài Nhân   | 04/06/1996          |    | Đại học           | Giáo dục chính trị              | Trường Đại TP HCM            | Chính quy       | Khả        | Tiếng Anh - B     | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                                    |                     | Giáo viên Giáo dục công dân      | Trường THCS Tân Thạnh Hội  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.12 | 0                  | 56,00                                 | Không tuyển                     |
| 222 | Nguyễn Thị Thúy Kiều  | 22/04/1996          | x  | Đại học           | Sư phạm Địa lý                  | Trường Đại TP HCM            | Chính quy       | Khả        | Tiếng Anh - Bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản |                                                    |                     | Giáo viên Địa lý                 | Trường THCS Tân Thạnh Hội  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.12 | 0                  | Văng                                  | Không tuyển                     |
| 223 | Đinh Thị Hiền         | 25/5/1988           | x  | Cao đẳng          | Kế toán, Kiểm toán              | Trường Đại học Tôn Đức Thắng | Chính quy       | Trung bình | Tiếng Anh - B     | B                    | CC, quản trị văn phòng và công tác văn thư lưu trữ |                     | Nhân viên Văn thư                | Trường THCS Tân Tiến       | Văn thư trung cấp         | 02.008     | 67,80              | 67,80                                 | Tuyển                           |



| ST<br>T | Họ và tên            | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                              |                                                            |                        |            | Ngoại<br>ngữ     | Tin học                    | Chứng chỉ<br>khác | Ngoại ngữ<br>khác     | CC. BDNVSP<br>(nếu có)                      | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển    |                              |                              |            | Điểm<br>tương<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|----------------------|------------------------|----|---------------------|------------------------------|------------------------------------------------------------|------------------------|------------|------------------|----------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------|--------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                      |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                              |                                                            |                        |            |                  |                            |                   |                       |                                             | Tên VTVL                            | Đơn vị                       | Tên chức danh<br>nghề nghiệp | Mã số      |                                      |                                              |                                 |                          |
|         |                      |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường         | Hệ đào<br>tạo                                              | Xếp loại<br>tốt nghiệp |            |                  |                            |                   |                       |                                             |                                     |                              |                              |            |                                      |                                              |                                 |                          |
| 224     | Phan Thị Ngọc Sáu    | 03/11/1998             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>tiếng Anh         | Trường Đại<br>học Sài Gòn                                  | Chính quy              | Khá        | Đại học          | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   | Tiếng Trung<br>(A)    |                                             | Giáo viên<br>tiếng Anh              | Trường<br>THCS Tân<br>Tiền   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 66,60                                        | 66,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 225     | Lê Thị Kim Uyên      | 12/12/1997             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Toán học          | Trường Đại<br>học Sài Gòn                                  | Chính quy              | Khá        | TOEIC<br>490     | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                       |                                             | Giáo viên<br>môn Toán               | Trường<br>THCS Thị<br>trần   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 74,60                                        | 74,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 226     | Nguyễn Mạnh<br>Cường | 30/04/1996             |    | Đại học             | Sư phạm<br>Địa lý            | Trường Đại<br>học Sài Gòn                                  | Chính quy              | Khá        | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                       |                                             | Giáo viên<br>Địa lý                 | Trường<br>THCS Thị<br>trần   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 50,20                                        | 50,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 227     | Thái Thạch Thảo      | 15/04/1997             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>tiếng Anh         | Đại học Sài<br>Gòn                                         | Chính quy              | Giỏi       | Đại học          | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   | Tiếng Hoa<br>(Cấp 3)  |                                             | Giáo viên<br>tiếng Anh              | Trường<br>THCS Thị<br>trần   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 67,60                                        | 67,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 228     | Nguyễn Thị Vân       | 04/3/1997              | x  | Đại học             | Sư phạm<br>tiếng Anh         | Trường Đại<br>học Hồng Đức                                 | Chính quy              | Khá        | Đại học          | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   | Tiếng Pháp<br>(bậc 2) |                                             | Giáo viên<br>tiếng Anh              | Trường<br>THCS Thị<br>trần   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 55,40                                        | 55,40                           | Trúng<br>tuyển           |
| 229     | Huỳnh Văn Hào        | 05/10/1996             |    | Đại học             | Giáo dục<br>thể chất         | Trường Đại<br>học sư phạm<br>thể dục thể<br>thao TP. HCM   | Chính quy              | Khá        | Anh - A2         | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                       |                                             | Giáo viên<br>thể dục                | Trường<br>THCS Thị<br>trần   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 63,60                                        | 63,60                           | Trúng<br>tuyển           |
| 230     | Nguyễn Văn<br>Chứng  | 25/05/1989             |    | Đại học             | Giáo dục<br>thể chất         | Trường Đại<br>học Thể dục<br>thể thao TP.<br>HCM           | Chính quy              | Trung bình | Tiếng<br>Anh - B | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |                   |                       | CN. Nghiệp vụ<br>sư phạm ngày<br>15/02/2011 | Giáo viên<br>Thể dục                | Trường<br>THCS Thị<br>trần   | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                    | 50,80                                        | 50,80                           | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 231     | Đặng Thanh Thúy      | 22/08/1989             | x  | Cao<br>đẳng         | Quản trị<br>mạng máy<br>tính | Trường Cao<br>đẳng nghề<br>Công nghệ<br>thông tin<br>ISPAC | Chính quy              | Khá        | Tiếng<br>Anh - B | Cao đẳng                   |                   |                       |                                             | Nhân viên<br>Công nghệ<br>thông tin | Trường<br>THCS Thị<br>trần 2 | Kỹ thuật viên<br>hạng IV     | V.05.02.08 | 0                                    | 98,60                                        | 98,60                           | Trúng<br>tuyển           |

| ST  | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                     |                              |           | Ngoại ngữ | Tin học         | Chương chi khác           | Ngoại ngữ khác         | CC, BDNVSP (nếu có)                  | Vị trí việc làm đang ký dự tuyển |                         |            |          |       |       | Điểm kết quả cuối cùng | Kết quả tuyển dụng |
|-----|-----------------------|---------------------|----|---------------------|---------------------|------------------------------|-----------|-----------|-----------------|---------------------------|------------------------|--------------------------------------|----------------------------------|-------------------------|------------|----------|-------|-------|------------------------|--------------------|
|     |                       |                     |    | Văn bằng, chứng chỉ |                     |                              |           |           |                 |                           |                        |                                      | Chuyên ngành                     | Tốt nghiệp trường       | Hệ đào tạo | Xếp loại |       |       |                        |                    |
|     |                       |                     |    |                     |                     |                              |           |           |                 |                           |                        |                                      |                                  |                         |            |          |       |       |                        |                    |
|     |                       |                     |    |                     |                     |                              |           |           |                 |                           |                        |                                      |                                  |                         |            |          |       |       |                        |                    |
| 232 | Lê Thị Thủy Hà        | 06/11/1995          | x  | Dại học             | Nghôn ngữ Anh       | Trường Đại học Thủ Dầu Một   | Khá       | Chính quy | Khá             | Dại học                   | A                      | Cao đẳng sư phạm tiếng Anh (cấp III) | Trường THCS Thị trấn 2           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | 52,80 | 52,80 | Tiêng tuyển            |                    |
| 233 | Lê Thị Văn Anh        | 26/10/1996          | x  | Dại học             | Sư phạm             | Trường Đại học sư phạm TPHCM | Khá       | Chính quy | Khá             | Bậc 2 Anh - CNTT cơ bản   | Ứng dụng CNTT cơ bản   | Giáo viên Văn                        | Trường THCS Thị trấn 2           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | Vàng  | Vàng  | Không tuyển            |                    |
| 234 | Trương Thị Thủy Linh  | 05/8/1996           | x  | Dại học             | Sư phạm             | Trường Đại học Thủ Dầu Một   | Khá       | Chính quy | Khá             | Bậc 3 Anh - CNTT năng cao | Ứng dụng CNTT năng cao | Giáo viên Văn                        | Trường THCS Truâng Lập Hạ        | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | 61,20 | 61,20 | Tiêng tuyển            |                    |
| 235 | Phạm Phương Huyền     | 12/05/1995          | x  | Dại học             | Sư phạm             | Trường Đại học sư phạm TPHCM | Khá       | Chính quy | Khá             | Bậc 3 Anh - CNTT năng cao | Ứng dụng CNTT năng cao | Giáo viên Vật lý                     | Trường THCS Truâng Tân           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | 68,80 | 68,80 | Tiêng tuyển            |                    |
| 236 | Lê Thị Ngọc Linh      | 10/01/1991          | x  | Dại học             | Sư phạm             | Trường Đại học Sài Gòn       | Khá       | Chính quy | Khá             | Bậc Anh - B               | Ứng dụng CNTT cơ bản   | Giáo viên Vật lý                     | Trường THCS Truâng Tân           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | 51,00 | 51,00 | Không tuyển            |                    |
| 237 | Nguyễn Thị Thanh Thủy | 14/07/1994          | x  | Dại học             | Vật lý học          | Trường Đại học sư phạm TPHCM | Khá       | Chính quy | Khá             | Bậc Anh - B               | Ứng dụng CNTT cơ bản   | Giáo viên Vật lý                     | Trường THCS Truâng Tân           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | Vàng  | Vàng  | Không tuyển            |                    |
| 238 | Trần Phương Đông      | 09/05/1996          |    | Dại học             | Sư phạm             | Trường Đại học sư phạm TPHCM | Khá       | Chính quy | Khá             | Bậc Anh - bậc 3           | Ứng dụng CNTT cơ bản   | Giáo viên Vật lý                     | Trường THCS Truâng Tân           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | Vàng  | Vàng  | Không tuyển            |                    |
| 239 | Hồ Hải Yến            | 26/8/1998           | x  | Dại học             | Sư phạm học Sài Gòn | Trường Đại học Sài Gòn       | Chính quy | Giỏi      | Bậc Anh - bậc 3 | Ứng dụng CNTT cơ bản      |                        | Giáo viên Vật lý                     | Trường THCS Truâng Tân           | Giáo viên THCS hàng III | V.07.04.12 | 0        | Vàng  | Vàng  | Không tuyển            |                    |

| ST<br>T | Họ và tên                  | Ngày tháng<br>năm sinh | Nữ | Chuyên môn          |                      |                                                          |                        | Ngoại<br>ngữ | Tin học                 | Chứng chỉ<br>khác            | Ngoại ngữ<br>khác | CC. BDNVSP<br>(nếu có) | Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển |                                  |                              |            | Đổi<br>tượng<br>ưu tiên<br>(nếu có) | Điểm<br>trung<br>bình kết<br>quả sát<br>hạch | Điểm<br>kết quả<br>cuối<br>cùng | Kết quả<br>tuyển<br>dụng |
|---------|----------------------------|------------------------|----|---------------------|----------------------|----------------------------------------------------------|------------------------|--------------|-------------------------|------------------------------|-------------------|------------------------|----------------------------------|----------------------------------|------------------------------|------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
|         |                            |                        |    | Văn bằng, chứng chỉ |                      |                                                          |                        |              |                         |                              |                   |                        | Tên VTVL                         | Đơn vị                           | Tên chức danh<br>nghề nghiệp | Mã số      |                                     |                                              |                                 |                          |
|         |                            |                        |    | Chuyên ngành        | Tốt nghiệp<br>trường | Hệ đào<br>tạo                                            | Xếp loại<br>tốt nghiệp |              |                         |                              |                   |                        |                                  |                                  |                              |            |                                     |                                              |                                 |                          |
| 240     | Nguyễn Thị<br>Phương Huyền | 17/08/1995             | x  | Đại học             | Sư phạm<br>Vật lý    | Đại học Sài<br>Gòn                                       | Vừa làm<br>vừa học     | Trung bình   | Tiếng<br>Anh - bậc<br>3 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>Vật lý              | Trường TH -<br>THCS Tân<br>Trung | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |
| 241     | Trần Thị Thanh<br>Trúc     | 15/10/1996             | x  | Đại học             | Giáo dục<br>thể chất | Trường Đại<br>học sư phạm<br>thể dục thể<br>thao TP. HCM | Chính quy              | Khá          | Tiếng<br>Anh - A2       | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản   |                   |                        | Giáo viên<br>Thể dục             | Trường TH -<br>THCS Tân<br>Trung | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | 51,20                                        | 51,20                           | Trúng<br>tuyển           |
| 242     | Trần Hoàng<br>Nhưng        | 05/10/1997             |    | Đại học             | Sư phạm<br>Lịch sử   | Trường Đại<br>học Thủ Dầu<br>Một                         | Chính quy              | Khá          | Toiecc 585              | Ứng dụng<br>CNTT<br>nâng cao |                   |                        | Giáo viên<br>Lịch sử             | Trường TH -<br>THCS Tân<br>Trung | Giáo viên THCS<br>hạng III   | V.07.04.12 | 0                                   | Vắng                                         | Vắng                            | Không<br>trúng<br>tuyển  |

IV. TRƯỜNG NUÔI DẠY TRẺ EM KHUYẾT TẬT

|     |                       |            |   |              |                      |                                                        |           |     |                         |                            |  |  |                       |                                         |                               |            |   |       |       |                |
|-----|-----------------------|------------|---|--------------|----------------------|--------------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------|----------------------------|--|--|-----------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|------------|---|-------|-------|----------------|
| 243 | Huỳnh Thị Kiều        | 15/10/1998 | x | Đại học      | Giáo dục<br>đặc biệt | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                     | Chính quy | Khá | Tiếng<br>Anh -<br>Bậc 3 | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |  |  | Giáo viên<br>tiểu học | Trường Nuôi<br>dạy trẻ em<br>khuyết tật | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0 | 89,20 | 89,20 | Trúng<br>tuyển |
| 244 | Trần Thị Hoa Đào      | 20/02/1987 | x | Đại học      | Giáo dục<br>đặc biệt | Trường Đại<br>học sư phạm<br>TPHCM                     | Chính quy | Khá | Tiếng<br>Anh - B        | Ứng dụng<br>CNTT cơ<br>bản |  |  | Giáo viên<br>tiểu học | Trường Nuôi<br>dạy trẻ em<br>khuyết tật | Giáo viên tiểu học<br>hạng IV | V.07.03.09 | 0 | 87,20 | 87,20 | Trúng<br>tuyển |
| 245 | Trương Thị Hà<br>Thủy | 28/10/1990 | x | Trung<br>cấp | Văn thư -<br>lưu trữ | Trường Trung<br>cấp Công nghệ<br>& Quản trị<br>Đông đô | Chính quy | Khá | Tiếng<br>Anh - B        | B                          |  |  | Văn thư               | Trường Nuôi<br>dạy trẻ em<br>khuyết tật | Văn thư trung cấp             | 02.008     | 0 | 96,40 | 96,40 | Trúng<br>tuyển |

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

19/03/2024